

Bản án số: 29/2018/HS - ST
Ngày: 04 - 7 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Diệu Trang

Ông Đỗ Văn Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nhung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Liệt - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2018/TLST - HS, ngày 08 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2018/QĐXXST - HS, ngày 20 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn K, sinh ngày 29 tháng 10 năm 1995, tại Trà Vinh. Nơi ĐKKTT và nơi cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1971; Tiền án và tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam ngày 07/3/2018 cho đến nay (Có mặt).

- Bị hại:

1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1985 (Có mặt)

2. Bà Phạm Thị Th1, sinh năm 1989 (Có mặt)

Đồng nơi cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973 (Có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1971 (Có mặt).

Đồng nơi cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3. Ông Hồ Khánh Tr, sinh năm 1991 (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

4. Ông Nguyễn Khắc Th, sinh năm 1988 (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biên tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ ngày 17/01/2018, Nguyễn Văn K qua nhà của bà Phạm Thị Th1, sinh năm 1989, ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1985, ngụ ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh tìm tài sản lấy trộm để tiêu xài. Nhà K cách nhà ông L, bà Th1 khoảng 20 mét. K đi bộ qua thấy nhà ông L, bà Th1 không có người trông coi, vào bên trong nhà qua đường cửa hông nhà sau tìm ở khu vực nhà sau không thấy tài sản. K đi lên nhà trên thì thấy trên vách nhà bên trái hướng từ nhà sau lên có bao ny long màu đỏ cuộn tròn và dùng dây thun cột lại, cột lên vách nhà. K lấy bao ny long mở ra và phát hiện bên trong bốn bao ny long màu đỏ được cuộn lại là một bạch ny long màu đen có đựng 01 vòng đeo tay bằng vàng, loại vàng 18 Kra, trọng lượng 01 chỉ được gói lại bằng giấy lịch và ba hộp đựng vàng (một hộp lớn và hai hộp nhỏ): Hộp vàng lớn đựng 01 sợi dây chuyền bằng vàng, loại vàng 24 Kra, trọng lượng 05 chỉ và 01 chiếc nhẫn trơn bằng vàng, loại vàng 24 Kra, trọng lượng 05 chỉ; Hai hộp vàng nhỏ đựng 01 chiếc nhẫn trơn bằng vàng, loại vàng 24 Kra, trọng lượng 03 chỉ; 02 chiếc nhẫn trơn bằng vàng, loại vàng 24 Kra, mỗi chiếc có trọng lượng 02 chỉ; 02 sợi dây chuyền bằng vàng, loại vàng 18 Kra, mỗi sợi có trọng lượng 01 chỉ. K lấy bạch ny long trên bỏ vào túi quần bên phải rồi đi về nhà qua đường cửa hông nhà sau. Khi về nhà, K lấy bạch ny long đen vừa trộm được bỏ vào ba lô rồi điều khiển xe đi đến tiệm vàng C tại số 15, Đ, khóm 2, phường 3, thành phố T, tỉnh Trà Vinh lấy hộp đựng vàng lớn bán 01 sợi dây chuyền và 01 chiếc nhẫn trơn được khoảng 30.000.000 đồng, đến một cửa hàng điện thoại di động ở thành phố T, tỉnh Trà Vinh nhưng không biết tên và địa chỉ cụ thể mua một điện thoại di động màu xám đen, nhãn hiệu Iphone với giá 6.700.000 đồng, số tiền còn lại K tiêu xài cá nhân hết.

Khoảng 07 ngày sau, K tiếp tục đến tiệm vàng ở thành phố T, tỉnh Trà Vinh không nhớ tên và địa chỉ cụ thể bán số vàng còn lại được khoảng 30.000.000 đồng, mua 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 59P1 – 277.72 của một người đàn ông không biết họ tên và địa chỉ cụ thể đăng bán trên mạng internet với giá 24.000.000 đồng. Số tiền còn lại, tiêu xài cá nhân hết.

Bạch ny long màu đen, ba hộp đựng vàng, giấy lịch gói vòng đeo tay và giấy bán vàng, sau khi bán vàng xong, K ném xuống sông L B thuộc thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 59P1 – 277.72, sau khi mua, K bán lại cho Hồ Khánh Tr, sinh năm 1991, ngụ ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh với giá 18.000.000 đồng. Tr trả cho K 8.000.000 đồng và còn nợ lại K 10.000.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 130/KL.ĐGTS ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C, tỉnh Trà Vinh kết luận: 01 sợi dây chuyền bằng vàng, loại vàng 24 Kra, trọng lượng 05 chỉ; 01 chiếc nhẫn trơn bằng vàng, loại vàng 24 Kra, trọng lượng 05 chỉ; 01 chiếc nhẫn trơn

bằng vàng, loại vàng 24 Kra, trọng lượng 03 chỉ; 02 chiếc nhẫn trơn bằng vàng, loại vàng 24 Kra, tổng trọng lượng 04 chỉ; 02 sợi dây chuyền bằng vàng, loại vàng 18 Kra, tổng trọng lượng 02 chỉ; 01 vòng đeo tay bằng vàng, loại vàng 18 Kra, trọng lượng 01 chỉ của bà Phạm Thị Th1 và ông Nguyễn Văn L tại thời điểm bị chiếm đoạt có tổng giá trị là 70.525.000 đồng (Bảy mươi triệu, năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số: 17/CT -VKSCL, ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo Nguyễn Văn K về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Văn K hoàn toàn thống nhất với nội dung bản cáo trạng của cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện C, và thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo như sau: Vào khoảng 10 giờ, ngày 17 tháng 01 năm 2018 tại nhà của ông Nguyễn Văn L, bà Phạm Thị Th1, ngụ ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Bị cáo lấy trộm: 01 sợi dây chuyền loại vàng 24 Kra, trọng lượng 05 chỉ; 01 chiếc nhẫn trơn loại vàng 24 Kra trọng lượng 05 chỉ; 01 chiếc nhẫn trơn loại vàng 24 Kra trọng lượng 03 chỉ; 02 chiếc nhẫn trơn loại vàng 24 Kra tổng trọng lượng 04 chỉ; 02 sợi dây chuyền loại vàng 18 Kra tổng trọng lượng 02 chỉ và 01 vòng đeo tay loại vàng 18 Kra trọng lượng 01 chỉ. Tổng giá trị là 70.525.000 đồng.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Sau khi phân tích các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 01, khoản 02 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K từ 02 (Hai) năm đến 03 (Ba) năm tù; Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 07/03/2018. Ngoài ra vị còn đề nghị xử lý vật chứng, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Qua quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Văn K xin Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố

tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Đồng thời thống nhất với bản kết luận định giá tài sản số 130/KL.ĐGTS ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1]. Lời nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn K tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do cơ quan Điều tra Công an huyện C thu thập có được.

Do vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn K về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là phù hợp với qui định của pháp luật, không oan, không sai.

[2]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn K là nguy hiểm cho xã hội; bởi vì, tài sản của công dân bao gồm tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, tư trang ... là do quá trình lao động một nắng hai sương mới có được. Bị cáo là người có đủ sức khỏe lao động tạo ra nguồn thu nhập, phục vụ nhu cầu cuộc sống bản thân và gia đình, nhưng bị cáo không lo chí thú làm ăn, lợi dụng sự sơ hở quản lý tài sản của chủ sở hữu, thực hiện hành vi lén lút nhằm chiếm đoạt tài sản. Cụ thể Vào khoảng 10 giờ, ngày 17 tháng 01 năm 2018. Tại ấp T, xã Đ, huyện C, bị cáo trộm cắp tài sản là vàng của ông Nguyễn Văn L, bà Phạm Thị Th1, có giá trị thành tiền là 70.525.000 đồng (Bảy mươi triệu, năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

[3]. Tính chất của vụ án là nghiêm trọng, bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm đã hoàn thành, hậu quả đã xảy ra, bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng xuất phát từ tham lam, tự lợi, lười lao động, không bỏ ra công sức để có tiền tiêu xài cá nhân đã dẫn bị cáo phạm tội. Hành vi của bị cáo thể hiện xem thường pháp luật, đã làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương mà còn gây hoang mang trong đời sống của quần chúng nhân dân.

[4]. Tình hình trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện C thời gian gần đây xảy ra nhiều, gây bức xúc trong nhân dân. Để góp phần ổn định tình hình trật tự tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm. Hội đồng xét xử cần lên cho bị cáo một mức án tương xứng với hành vi của bị cáo và tính chất của vụ án, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét: Sau khi phạm tội bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình khắc phục toàn bộ hậu quả cho người bị hại, người bị hại có đơn yêu cầu bãi nại cho bị cáo, gia đình của bị cáo có nhiều người thân tham gia cách mạng như: Ông nội tên Đặng Văn V là liệt sĩ, ông ngoại tên Nguyễn Văn T là thương binh hạng 4/4, có bác ruột tên Nguyễn Văn S, chú ruột tên Nguyễn Văn G và cha ruột tên Nguyễn Văn T phục vụ Cách mạng. Đây là những căn cứ để áp

dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 01 và khoản 02 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Do đó ý kiến của vị đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ theo quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

+ Gia đình bị cáo với người bị hại đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường xong, không yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

+ Đối với số tiền mua xe của ông Hồ Khánh Tr là 8.000.000 đồng, ông chưa đặt ra yêu cầu để tự thỏa thuận với bị cáo, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ:

+ 04 (Bốn) bao nylon màu đỏ, mỗi bao có chiều dài 102cm, chiều rộng 56cm và 01 (Một) sợi dây, đây là tài sản của người bị hại, tại phiên tòa không nhận lại vì không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone, màu xám đen, số IM: 354377064780178, màn hình đã bị hư hỏng; 01 (Một) xe mô tô loại xe Suzuki màu đen trắng, biển kiểm soát 59P1 – 277.72. Xe không có kính chiếu hậu, bánh cam, bị trầy xước nhiều nơi, số khung BE 42D – VN 106371, số máy: E 412 – VN 106371; và 01 (Một) giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 037306, biển kiểm soát 59P1 – 277.72, cơ quan điều tra thu hồi là tài sản của bị cáo, hiện nay do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C quản lý, giao trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn K.

- Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 01 và khoản 02 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, được tính từ ngày 07/03/2018.

- **Về trách nhiệm bồi thường dân sự:**

+ Gia đình bị cáo Nguyễn Văn K với người bị hại ông Nguyễn Văn L và bà Phạm Thị Th1 đã tự nguyện thỏa thuận xong, không yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

+ Đối với số tiền mua xe của ông Hồ Khánh Tr là 8.000.000 đồng, ông chưa đặt ra yêu cầu bồi thường, để tự thỏa thuận với bị cáo Nguyễn Văn K, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- **Về vật chứng:** Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu tiêu hủy: 04 (Bốn) bao nylon màu đỏ, mỗi bao có chiều dài 102cm, chiều rộng 56cm; 01 (Một) sợi dây, loại dây thun.

+ Giao trả cho bị cáo: 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone, màu xám đen, số IM: 354377064780178, màn hình đã bị hư hỏng; 01 (Một) xe mô tô loại xe Suzuki màu đen trắng, biển kiểm soát 59P1 – 277.72. Xe không có kính chiếu hậu, bánh cam, bị trầy xước nhiều nơi, số khung BE 42D – VN 106371, số máy: E 412 – VN 106371 và 01 (Một) giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 037306, biển kiểm soát 59P1 – 277.72.

- **Về án phí:** Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn K phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày án sơ thẩm tuyên.

(Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện C;
- Công an huyện C;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mến

